

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn giữa chị T
và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng

Ông Vũ Xuân Thùy

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2024/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024; về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thanh T, sinh năm 2004; địa chỉ: xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành án tại: K1 - Trại tạm giam Công an tỉnh N (xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định)

(Tại phiên tòa chị T, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thanh T và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 18/11/2022. Vợ chồng sống không hạnh phúc do tính

tình của anh. Anh **H** gây thương tích cho người khác nên phải chấp hành án tù tại Trại tạm giam **Công an tỉnh N**. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh **H**.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung và không có thai nghén với nhau

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu giải quyết.

Chị có đơn xin giải quyết vắng mặt chị.

Anh **Bùi Văn H** có lời khai tại bản tự khai trình bày: Anh và chị **Vi Thanh T** kết hôn tự nguyện có đăng ký tại **UBND xã X** ngày 18/11/2022. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị **T** xin ly hôn anh nhất trí ly hôn. Anh chị không có con chung, không có thai nghén với nhau. Về tài sản không có gì nên anh không yêu cầu giải quyết. Do anh đang chấp hành án phạt tù nên anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị **Vi Thanh T** và anh **Bùi Văn Văn H**. Tài sản công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Vi Thanh T** và anh **Bùi Văn H** kết hôn tự nguyện và đăng ký tại **UBND xã X** nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh phạm tội nên phải đi chấp hành án. Chị xin ly hôn, anh đồng ý. Xét thấy cũng nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về con chung: anh chị không có con chung và không có thai nghén với nhau nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **T** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Vi Thanh T** và anh **Bùi Văn H**.
2. Về án phí: Chị **T** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số **0000192** ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.
3. Về quyền kháng cáo: Chị **T** và anh **H** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quỳnh